

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 395/GP-UBND

Thanh Hoá, ngày 27 tháng 10 năm 2016

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ THUÊ ĐẤT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 656/CV-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và chấp thuận các dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2016 (đợt 5);

Căn cứ Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc”;

Căn cứ Quyết định số 2930/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc của Công ty cổ phần Đầu tư AMD Group;

Xét Đơn và hồ sơ của Công ty cổ phần Đầu tư AMD Group (nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường) đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất tại núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1112/TTr-STNMT ngày 18/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Cho phép Công ty cổ phần Đầu tư AMD Group được khai thác khoáng sản và thuê đất tại mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường núi Bền, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, cụ thể như sau:

1. Về khoáng sản:

- Diện tích mỏ: 76.380 m²; trong đó, diện tích khu vực khai thác là 60.000 m² được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 6; diện tích khu vực khai trường là 16.380 m² được xác định bởi các điểm góc 1, 6, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 có tọa độ xác định trên Bản đồ khu vực mỏ kèm theo;

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường và tận thu đá khối sản xuất đá ốp lát;

- Trữ lượng khoáng sản:

+ Trữ lượng địa chất: 2.494.854 m³; trong đó, đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là 2.357.637 m³; đá khối tận thu sản xuất đá ốp lát là 137.217 m³;

+ Trữ lượng khai thác: 2.065.083 m³; trong đó, đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là 1.951.503 m³; đá khối tận thu sản xuất đá ốp lát là 113.580 m³;

- Thân khoáng: Dạng khối;

- Công suất khai thác: 70.000 m³/năm;

- Mức sâu khai thác: Đến cos +20 m;

- Thời hạn khai thác: 30 năm, kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 06 tháng;

- Lệ phí cấp Giấy phép: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

2. Về đất đai:

- Cho phép Công ty cổ phần Đầu tư AMD Group chuyển mục đích sử dụng 5.000 m² đất lúa sang đất khai thác khoáng sản (khu đất nằm trong phần diện tích đơn vị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Tý và hộ gia đình bà Đỗ Thị Nha);

- Cho Công ty cổ phần Đầu tư AMD Group thuê 76.380 m² đất tại xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc (gồm 70.031,6 m² đất núi đá, đất công ích do UBND xã Vĩnh Minh quản lý; 6.348,4 m² đất còn lại đơn vị nhận chuyển nhượng của 02 hộ gia đình) để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản và làm khai trường;

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục Bản đồ số 420/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 01/8/2016;

- Loại đất: Đất núi đá, đất công ích do UBND xã Vĩnh Minh quản lý; đất lúa giao cho các hộ gia đình quản lý, sử dụng. Hiện tại, Công ty cổ phần Đầu tư AMD Group đã bồi thường GPMB (UBND huyện Vĩnh Lộc có văn bản xác nhận);

- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

- Phí thẩm định hồ sơ thuê đất: 250.000 đồng;

- Thời hạn thuê đất: 30 năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Công ty cổ phần Đầu tư AMD Group có trách nhiệm:

1. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường;

3. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cắm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát;

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác đã được phê duyệt. Quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

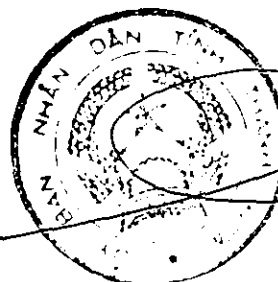
Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty cổ phần Đầu tư AMD Group chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Công ty cổ phần Đầu tư AMD Group;
- Các Sở: Xây dựng, TN&MT (05b);
- UBND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND xã Vĩnh Minh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

Số đăng ký: ĐK/KT

Thanh Hóa, ngày tháng năm 201

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Châu



Phụ lục số: 01

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI LÀM VLXD THÔNG
THƯỜNG TẠI NÚI BÈN, XÃ VĨNH MINH, HUYỆN VĨNH LỘC**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 395/GP-UBND
ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực 105, múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
Khu vực khai thác 60.000 m ²	1	2212220.00	576435.00
	2	2212116.00	576457.00
	3	2212078.00	576287.00
	4	2212321.00	576002.00
	5	2212412.00	576097.00
	6	2212198.00	576347.00
Khu vực khai trường 16.380 m ²	1	2212220.00	576435.00
	6	2212198.00	576347.00
	5	2212412.00	576097.00
	7	2212428.00	576113.00
	8	2212350.00	576192.00
	9	2212257.00	576318.00
	10	2212350.00	576346.00
	11	2212335.00	576355.00
	12	2212321.00	576372.00
	13	2212303.00	576399.00
	14	2212303.00	576407.00